TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST–DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã T, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Yến Nhi, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Chủ, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2 Bị đơn: Ông **Phan Văn Bé S**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Ông Xồm, xã T, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Thủy là chủ đại lý thức ăn gia súc Chín Khiêm. Vào khoảng năm 2021, bà T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Bé S, việc thoả thuận mua bán hai bên cũng có hợp đồng và sổ theo dõi, theo đó bà Thủy sẽ giao thức ăn cho ông Bé S khi ông Bé S bán vật nuôi sẽ thanh toán tiền thức ăn cho bà T. Mục đích ông Bé S chăn nuôi nhằm để phát triển kinh tế gia đình. Hai bên mua bán thuận lợi cho đến ngày 07/11/2023, hai bên có tổng kết tiền nợ thức ăn là 56.934.000 đồng và bà có yêu cầu ông Bé S trả tiền nợ. Hai bên có tiến hành làm giấy xác nhận công nợ, ông Bé S có ghi thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ cùng với số tiền nợ và ký tên, ghi họ tên vào. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay ông Bé S vẫn chưa trả cho bà T được khoản tiền nào dù bà T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ.

Do đó, bà Thủy khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông Phan Văn Bé S có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ mua thức ăn là 56.934.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 08/11/2023 cho đến khi giải quyết xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 08/11/2023 đến ngày 03/3/2025 là 15 tháng 23 ngày, tương đương 7.450.000 đồng. Tổng cộng là 64.123.000 (sáu mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn là ông Phan Văn Bé S trình bày:

Bà T là đại lý thức ăn gia súc Chín Khiêm, khoảng trước năm 2019 giữa ông và bà T có thoả thuận về việc mua bán thức ăn. Ông là người mua, phía bà T là người bán, hình thức bao chuồng, khi nào ông bán vật nuôi sẽ thanh toán tiền thức ăn cho bà T. Tuy nhiên, trong quá trình chăn nuôi thì do thua lỗ nên ông chưa thanh toán đầy đủ tiền thức ăn cho bà T. Đến ngày 07/11/2023 giữa ông và bà T có chốt nợ thức ăn thì ông còn thiếu bà T số tiền là 56.934.000 đồng và có ký vào giấy xác nhận công nợ. Nay đối với yêu cầu của bà T thì ông đồng ý trả cho bà T số tiền nợ thức ăn còn thiếu là 56.934.000 đồng, tuy nhiên ông xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Do có quen biết với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị T (là chủ hộ kinh doanh Chín Khiêm) và ông Phan Văn Bé S có thỏa thuận, giao dịch với nhau về việc mua bán thức ăn gia súc, cụ thể như sau: thời gian từ khoảng trước năm 2019, bà T bắt đầu bán thức ăn cho ông Bé S. Việc mua bán có lập hợp đồng, bà T cung cấp thức ăn cho ông Bé S, đến khi bán vật nuôi thì ông Bé S phải trả tiền nợ thức ăn cho bà T. Hai bên thực hiện hợp đồng theo hình thức gối đầu. Mỗi lần giao thức ăn cho ông Bé S thì bà T và ông Bé S đều có ghi sổ theo dõi số lượng bao, ngày giao và số nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: hai bên mua bán thức ăn thời gian dài đến ngày 07/11/2023, bà T và ông Bé S đối chiếu công nợ thì ông Bé S còn nợ của bà T số tiền là 56.934.000 đồng, ông Bé S đã xác nhận công nợ, nhiều lần bà T có yêu cầu ông Bé S phải trả số tiền nợ nhưng ông Bé S không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Bé S phải trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa, ông Bé S thống nhất hiện tại ông Bé S còn nợ của bà T số tiền là 56.934.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này cho bà T. Như vậy, xét thấy đây là hợp đồng mua bán thức ăn mà căn cứ vào việc xác nhận nợ tiền thức ăn thì ông Bé S còn nợ của bà T số tiền là 56.934.000 đồng. Bà T cho rằng nhiều lần bà T đòi nợ nhưng ông Bé S không tiếp tục thực hiện việc trả nợ như hợp đồng nên ông Bé S đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, cần buộc ông Bé S phải có trách nhiệm thanh toán số tiền thức ăn của bà T là 56.934.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

Ông Bé S cho rằng do làm ăn thua lỗ, ông không thể trả số tiền nợ cho bà T một lần mà xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ là không phù hợp. Mặt khác, bà T không đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu của ông Bé S.

[2]. Về lãi suất:

Bà T yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ thức ăn từ ngày 08/11/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy, ông Bé S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357, 440 của Bộ luật dân sự. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 56.934.000 đồng x 15 tháng 23 ngày x 0,83%/tháng = 7.450.000 đồng.

Từ những phân tích trên, buộc ông Phan Văn Bé S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ thức ăn là 56.934.000 đồng và 7.450.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 64.384.000 đồng.

[3]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông Bé S phải chịu án phí là 3.219.200 (ba triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm) đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn là ông Phan Văn Bé S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

2. Buộc ông Phan Văn Bé S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ thức ăn là 56.934.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng và 7.450.000 (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 64.384.000 (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Bé S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.219.200 (ba triệu hai trăm mười chín nghìn hai trăm đồng) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.575.000 (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007625 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu **Nguyễn Thị Ngọc Lan** **Lê Thị Hồng Đang**